



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 28 (từ 09/7 – 13/7/2018)



ĐIỂM TIN

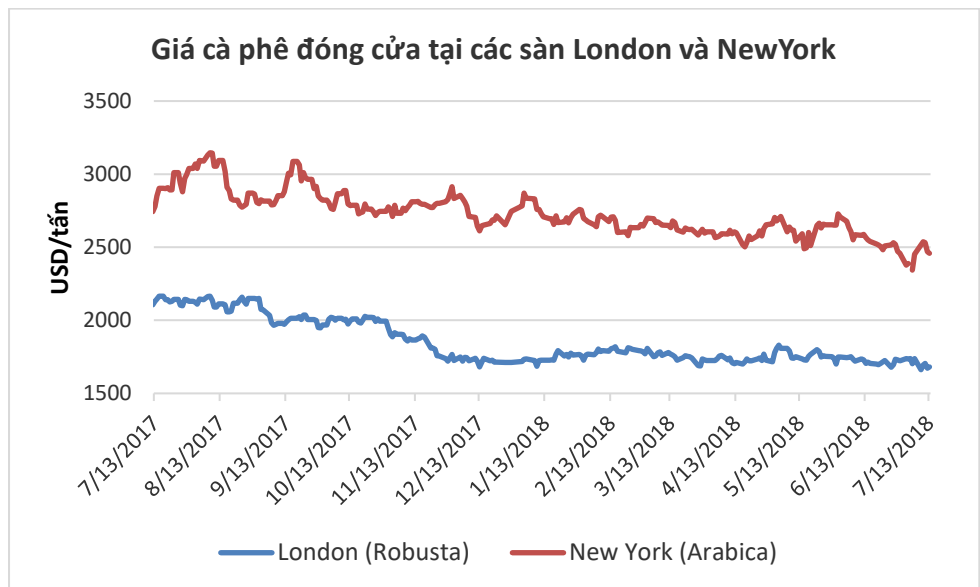
Giá Robusta kỳ hạn tuần này giảm 2,74%

Giá Arabica kỳ hạn tuần này tăng 4,7%

Xuất khẩu cà phê trong tháng 6/2018 tại Colombia giảm

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.683 USD/tấn, giảm 2,74% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 19,7% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.705 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.662 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.502 USD/tấn, tăng 4,7% so với tuần trước và thấp hơn 7,5% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần



đạt 2.536 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.459 USD/tấn [1].

Thương mại toàn cầu có sự phục hồi nhẹ vào đầu tuần này sau khủng hoảng thương mại giữa Hoa Kỳ – Trung Quốc cuối tuần trước. Tuy nhiên, đến cuối tuần thị trường lại biến động mạnh khi Hoa Kỳ đưa thêm kế hoạch áp thuế lên gói hàng hóa trị giá 200 tỷ USD nhập khẩu từ Trung Quốc, các Quỹ đầu tư (Exchange Traded Fund – ETF) đồng loạt điều chỉnh dòng tiền từ các sàn hàng hóa sang các sàn chứng khoán để bảo toàn dòng vốn của mình [2].

Liên đoàn cà phê châu Âu cho biết, tồn kho cà phê tại các cảng ở Bỉ, Đức, Pháp và Ý đến cuối tháng 5/2018 đạt 11,4 triệu bao, tăng 2,14% (tăng 239.900 bao) so với cùng kỳ năm ngoái. Lượng tồn kho cà phê này chưa bao gồm các container cà phê chưa được bàn giao theo báo cáo tại các cảng (ước khoảng 2,4 triệu bao). Với nhu cầu tiêu thụ cà phê cho rang xay tại châu Âu khoảng 1,05 triệu bao/tuần, lượng tồn kho cà phê đến cuối tháng 5 ước tính còn đủ cho 13 tuần nữa, điều này sẽ khó giúp giá cà phê tăng mạnh tại thời điểm hiện nay [2].

Theo Viện địa lý và thống kê Brazil thì niên vụ cà phê 2018/19 của Brazil có thể chỉ đạt 57,3 triệu bao (tăng nhẹ so với số 57,1 triệu bao mà Viện này dự đoán trước đó) và lượng tăng này do Robusta tăng trong khi Arabica lại giảm nhẹ. Trong khi đó hãng tin Somar cho biết thời tiết Brazil thuận lợi cho thu hoạch cà phê niên vụ năm nay, ước chừng đã hoàn thành đến 45% vụ [2].

Liên đoàn người trồng cà phê Colombia (Fedecafe) thông báo, sản lượng cà phê trong tháng 6 của nước này đạt 1,09 triệu bao, cao hơn 3,62% (tăng 38 nghìn bao) so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê trong tháng 6 của Colombia lại giảm 6% (giảm 58 nghìn bao) so với tháng 6/2017, chỉ đạt 906.000 bao. Như vậy, lũy kế xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu niên vụ 2017/18 của Colombia đạt 9,7 triệu bao, thấp hơn 4,55% (463.000 bao) so với cùng kỳ niên vụ trước [2].

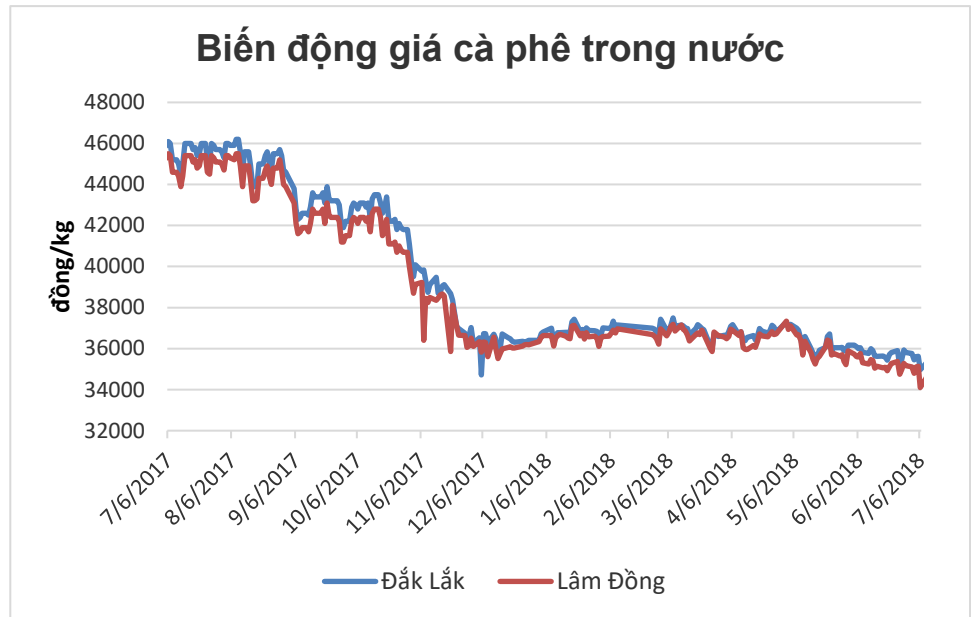


ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) ít biến động so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê tháng 6 tăng 4,3% so với tháng trước

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này ít biến động so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 35.446 đ/kg, giảm 37 đồng so với tuần trước và vẫn thấp hơn 21,5% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 18 đồng so với tuần trước ở mức 34.869 đ/kg, và vẫn thấp hơn 21,7% so với cùng kỳ năm trước [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.563 USD/tấn, giảm 6 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 26,7% so với cùng kỳ năm 2017 do lượng giao dịch không nhiều [7].

Theo Hiệp hội Cà phê Cacao Việt Nam (VICOFCA), hiện nay giá cà phê nhân xô tại Tây Nguyên đã gần sát với giá thành người nông dân sản xuất. Nguyên nhân giá xuống tại thời điểm hiện tại do ảnh hưởng bởi quyết định tăng lãi suất thêm 0,25% của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) từ giữa tháng 6/2018. Bên cạnh đó đồng USD tăng giá và cung tăng so với cầu cũng là các tác nhân khiến giá sụt giảm [8].

Theo số liệu của Tổng Cục Hải Quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê trong tháng 6/2018 đạt 156.258 tấn (tương đương



2.604.300 bao, bao 60kg), với giá trị kim ngạch đạt 296,59 triệu USD, tăng 4,33% về lượng và tăng 0,82% về giá trị so với tháng trước. Lũy kế xuất khẩu cà phê 6 tháng đầu năm nay đạt 1.039.488 tấn (tương đương 17.324.800 bao), tăng 10,81% về lượng nhưng lại giảm 5,05% về giá trị kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, lũy kế 9 tháng đầu niên vụ cà phê 2017/2018 Việt Nam đã xuất khẩu đạt tổng cộng 1.382.978 tấn (tương đương 23,05 triệu bao, bao 60 kg) [7]. Trong khi đó, nhiều chuyên gia nhận định lượng tồn kho gối vụ của Việt Nam sẽ cạn kiệt, do đó xuất khẩu cà phê trong các tháng còn lại của niên vụ sẽ ở mức rất thấp.

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), mức tiêu thụ của Việt Nam hiện nay xấp xỉ 4 triệu bao và mức tăng trưởng tiêu thụ hàng năm lên tới hơn 6%/năm, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong các nước trồng cà phê [4].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://xttm.mard.gov.vn>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	35.067	35.667	35.833	35.200	34.743	-231
Ea H'leo (xôvối)	35.067	35.667	35.833	35.200	35.167	-113
Krông Năng (xôvối)	35.367	35.567	35.667	35.400	35.367	33
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	35.400	36.000	36.200	35.500	35.700	-120
Ea H'leo (xôvối)	35.500	35.900	36.200	35.500	35.500	-140
Krông Năng (xôvối)	35.500	35.700	35.900	35.500	35.500	33
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	34.933	35.067	35.367	34.667	34.867	280
Lâm Hà (xôvối)	34.300	34.900	35.100	34.700	34.800	-390
Đà Lạt (xôchè)	42.667	43.667	43.167	42.667	42.667	3083
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.433	35.567	35.867	35.167	35.367	280
Lâm Hà (xôvối)	35.300	35.900	36.100	35.700	35.800	157
Đà Lạt (xôchè)	43.667	44.667	44.167	43.667	43.667	3100
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.000	35.767	35.750	35.300	35.350	33
Đắk R'lấp (xôvối)	34.933	35.467	35.633	34.967	35.133	-20
Đắk Song (xôvối)	35.050	35.550	35.750	35.050	35.250	40
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.500	36.200	36.250	35.700	35.800	120
Đắk R'lấp (xôvối)	35.267	35.767	35.967	35.267	35.467	53
Đắk Song (xôvối)	35.400	35.900	36.100	35.350	35.600	20



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	34.867	35.400	35.500	34.800	35.000	-80
Pleiku (xôvối)	34.900	35.500	35.633	34.900	35.100	-60
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	34.967	35.500	35.600	34.900	35.100	-80
Pleiku (xôvối)	35.000	35.600	35.733	35.000	35.200	-60
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	34.578	34.989	35.267	34.622	34.889	18
Đắk Hà (xôvối)	35.000	35.465	35.636	35.058	35.150	-12
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.244	35.667	35.944	35.300	35.556	204
Đắk Hà (xôvối)	35.351	35.800	35.999	35.390	35.546	40

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

